

Bản án số: 42 /2020/KDTM- ST

Ngày: 25/9/2020

V/v "Tranh chấp yêu cầu trả tiền lãi
trên số tiền chậm trả".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Quốc Hải

Ông Trịnh Văn Trời

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Kim Hoa – Thư ký

Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Phương Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông xét xử công khai vụ án thụ lý số 01/2020/TLST-KDTM ngày 07 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp yêu cầu thanh toán tiền lãi chậm trả" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST- KDTM ngày 08 tháng 9 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2020/QĐST-KDTM ngày 18/9/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty HN; trụ sở: xóm C, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; Đại diện theo pháp luật: Đào Quang M – Giám đốc; đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1974; HKTT: xã B, huyện T, thành phố Hà Nội; bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1994; HKTT: xã B, huyện T, thành phố Hà Nội; địa chỉ liên hệ: Văn phòng giao dịch Công ty HN, km 14 quốc lộ 6 B, Hà Đông, Hà Nội. (có mặt ông K)

- Bị đơn: Công ty TT; địa chỉ: tổ 3, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thu H – Chủ tịch hội đồng quản trị; địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: số nhà 16, tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình; địa chỉ hiện nay: số nhà 3 ngõ 70 ngách 57 N, tổ dân phố x, phường Đ, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội. vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 12/04/2017, Công ty HN (Trong hợp đồng được gọi là bên B) và Công ty TT (Trong hợp đồng được gọi là bên A) có ký kết với nhau Hợp đồng mua bán số 1204/HĐMB-TM/2017 về việc mua bán thép và vật tư các loại, do các doanh nghiệp sản xuất.

Sau khi ký Hợp đồng, Bên A đã mua hàng của Bên B cụ thể như sau:

- Ngày 19 tháng 4 năm 2017 mua 1.245.389.750 đồng.
- Ngày 25 tháng 4 năm 2017 mua 519.426.600 đồng.
- Ngày 27 tháng 4 năm 2017 mua 307.950.830 đồng.
- Ngày 11 tháng 5 năm 2017 mua 948.403.995 đồng

Tổng số tiền hàng đã mua là: 3.021.171.175

- Ngày 9/6/2017 trả 500.000.000 đ
- Ngày 21/06/2017 trả 1.000.000.000 đ
- Ngày 13/10/2017 trả 1.500.000.000 đ
- Ngày 26/10/2017 trả 21.200.000 đ

Tổng số tiền trả là: 3.021.200.000 đồng.

Trả thừa: 28.825 đồng.

Theo Điều 4 của Hợp đồng đã thỏa thuận: "Bên A có trách nhiệm thanh toán cho Bên B 100% giá trị tiền hàng trong vòng 30 ngày kể từ ngày giao nhận hàng hóa có biên bản. Quá hạn thanh toán, Bên A phải chịu lãi suất 0,07%/ ngày trên tổng số tiền quá hạn trong suốt thời gian quá hạn."

Theo thỏa thuận trên, bên A phải trả bên B tiền lãi phát sinh do chậm thanh toán đối với số tiền thanh toán chậm như sau:

1. Chuyển hàng ngày 19/04/2017 (HĐ 0004043) là: 1.245.389.750 đ, hạn thanh toán 30 ngày là ngày 19/05/2017 . Ngày 9/6/2017 trả 500.000.000 đ, chậm thanh toán 21 ngày , tính từ ngày 19/05/2017 đến 09/06/2017.

- Lãi suất của 500.000.000 đ x 21 ngày x 0.07%/ngày = 7.350.000 đ.

Ngày 21/06/2017 trả 1.000.000.000 đ trừ 745.389.750 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 19/04/2017, còn dư 254. 610.250 đ trừ vào chuyển hàng thứ hai ngày 25/04/2017. Chậm thanh toán 33 ngày tính từ ngày 19/05/2017 đến 21/06/2017.

- Lãi suất của 745.389.750 đ x 33 ngày x 0.07%/ngày = 17.218.503 đ.

2. Chuyển hàng ngày 25/04/2017 (HĐ 0004135) là: 519.426.600 đ, hạn thanh toán 30 ngày , ngày đến hạn thanh toán là 25/05/2017. Ngày 21/06/2017 còn dư số tiền 254.610.250 đ trừ vào tiền hàng của đơn hàng này , chậm thanh toán 27 ngày tính từ ngày 25/05/2017 đến 21/06/2017.

- Lãi suất của 254.610.250 đ x 27 ngày x 0.07%/ngày = 4.812.134 đ

Ngày 13/10/2017 trả 1.500.000.000đ trừ 264.816.350 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 25/04/2017, còn dư 1.235.183.650 đ trừ vào chuyển hàng thứ ba ngày 27/04/2017 và chuyển hàng thứ tư ngày 11/05/2017, chậm thanh toán 141 ngày tính từ ngày 25/05/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 264.816.350 đ x141 x0.07%/ngày = 26.137.374 đ

3. Chuyển hàng ngày 27/04/2017 (HĐ 0004361) là: 307.950.830 đ, hạn thanh toán 30 ngày, ngày đến hạn thanh toán là 27/05/2017. Ngày 13/10/2017 còn dư số tiền trả 1.235.183.650 đ trừ vào tiền hàng của đơn này là : 307.950.830 đ, còn dư số tiền 927.232.820 đ trừ vào chuyển hàng thứ tư, chậm thanh toán 139 ngày tính từ ngày 27/05/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 307.950.830 đ x 139 x0.07%/ngày =29.963.616 đ

4. Chuyển hàng ngày 11/05/2017 (HĐ 0004917) là: 948.403.995 đ , hạn thanh toán 30 ngày, ngày đến hạn là 10/06/2017. Ngày 13/10/2017 còn dư số tiền 927.232.820 đ trừ vào đơn hàng này, chậm thanh toán 125 ngày tính từ ngày 11/06/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 927.232.820 đ x125 x0.07%/ngày = 81.132.872 đ

Ngày 26/10/2017 trả 21.200.000 đ trừ 21.171.175 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 11/05/2017, chậm thanh toán 138 ngày kể từ ngày 11/06/2017 đến ngày 26/10/2018.

- Lãi suất 21.171.175 x 138 x 0.07%/ngày =2.045.136 đ.

Tổng Bên A phải trả bên B tiền lãi: 171.949.634 đồng.

Tổng Bên A còn phải trả bên B số tiền như sau

Stt	Nội dung nợ	Số tiền nợ
1	- Số tiền gốc còn nợ phải trả là:	-28.825 đ
2	- Số tiền lãi phát sinh tạm tính đến ngày 05/06/2018 là:	171.949.634 đ
3	- Tổng số tiền gốc và lãi phải trả tính đến ngày 05/06/2018 là:	171.920.809 đ
	<i>Bằng chữ: Một trăm bảy mươi một triệu, chín trăm hai mươi nghìn, tám trăm linh chín đồng.</i>	

Từ khi Bên A mua hàng tới ngày thanh toán hết nợ gốc, chúng tôi đã đến đôn đốc, nhắc nhở đòi nợ rất nhiều lần, gọi điện thoại, gửi công văn, văn bản đề nghị thanh toán nhưng Bên A không thanh toán đúng hạn, dẫn đến Bên A phải trả tiền lãi chậm trả. Từ khi thanh toán hết nợ gốc, chúng tôi cũng đã tiếp tục làm việc với Bên A nhiều lần để thương lượng số tiền lãi nhưng Bên A không hợp tác và không trả, gây khó khăn, thiệt hại nghiêm trọng cho chúng tôi.

Vì vậy chúng tôi làm đơn khởi kiện gửi đến TAND quận Hà Đông, kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Hà Đông giải quyết và xét xử: Buộc Công ty TT phải trả cho chúng tôi số tiền 171.920.809 đồng (Một trăm bảy mươi một

triệu, chín trăm hai mươi nghìn, tám trăm linh chín đồng) nêu trên, để đơn vị chúng tôi tháo gỡ khó khăn, đỡ phần thua lỗ, đồng thời đảm bảo hạch toán kinh doanh theo quy định của pháp luật

Bị đơn là Công ty TT không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án.

Quá trình thu thập tài liệu, xác minh:

Chi cục thuế quận Hà Đông cung cấp Báo cáo tài chính năm 2015 – 2018 và thông tin trên hệ thống cơ quan thuế của Công ty TT – Mã số thuế: 0106805678; địa chỉ tại tổ 3, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Tài liệu Phòng đăng ký kinh doanh thành phố Hà Nội cung cấp: Công ty TT được thành lập, đăng ký lần đầu ngày 30/3/2015; tên công ty: Công ty TT; địa chỉ trụ sở: tổ 3, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật bà Phạm Thu H; ĐKKTT và chỗ ở: số nhà 16, tổ 13, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 08/5/2017 giữ nguyên tên công ty, người đại diện theo pháp luật.

Xác minh tại địa phương cho thấy hiện Công ty TT không có trụ sở và hoạt động tại địa chỉ theo Đăng ký kinh doanh: tổ 3, phường Đ, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội. Tòa án tiến hành triệu tập người đại diện theo pháp luật của Công ty TT không có kết quả.

Sau khi tòa án ra quyết định chỉ định người đại diện trong quá trình tố tụng thì ngày 14/8/2020 bà Phạm Thu H đại diện theo pháp luật của Công ty TT đã trực tiếp tham gia tố tụng, có lời khai đề nghị tòa án lui thời gian giải quyết để Công ty TT gặp gỡ trực tiếp đại diện Công ty HN để trao đổi giải quyết tranh chấp. Tại phiên hòa giải ngày 08/9/2020 và tại các phiên tòa tiếp theo đại diện theo pháp luật của Công ty TT vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Toà án buộc bị đơn phải trả tiền lãi trên số tiền chậm trả phát sinh từ Hợp đồng mua bán số 1204/HĐMB-TM/2017 ngày 12/4/2017 và cung cấp Bản trình bày tại phiên tòa; Bản luận cứ bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn; Xác nhận nợ gốc và lãi chậm trả. Nguyên đơn điều chỉnh mức lãi suất 20% để tính lãi trên số tiền chậm trả, số tiền lãi chậm trả Công ty TT phải trả nguyên đơn là 131.994.372đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu ý kiến: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; đại diện nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật; đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không tham gia tố tụng tại phiên tòa, không chấp hành pháp luật.

Về Nội dung: cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên mức lãi suất chậm trả các bên thỏa thuận tại hợp đồng và mức lãi suất nguyên đơn điều chỉnh đề nghị áp dụng tại phiên tòa không phù hợp quy định

pháp luật. Đề nghị áp dụng lãi suất quá hạn trung bình trên thị trường làm căn cứ xác định số tiền lãi chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông.

Công ty TT không còn trụ sở và hoạt động tại địa chỉ theo Đăng ký kinh doanh, không thông báo địa chỉ mới thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ, cố tình không khai báo.

Đại diện theo pháp luật của Công ty TT vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về nội dung:*

Giữa Công ty HN và Công ty TT ký kết Hợp đồng mua bán số 1204/HĐMB-TM/2017 ngày 12/4/2017 về việc mua bán thép và vật tư các loại, do các doanh nghiệp sản xuất. Quá trình thực hiện hợp đồng hai bên đã nhiều lần thực hiện việc giao nhận hàng, xuất hóa đơn, hai bên không có tranh chấp về số lượng, chất lượng, chủng loại hàng hóa. Tính đến ngày 26/10/2017 Công ty TT đã thanh toán hết tiền hàng, còn thừa 28.825 đồng. Các thời điểm thanh toán của Công ty TT đều có vi phạm về thời hạn thanh toán theo thỏa thuận ký kết tại hợp đồng do đó yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán của Công ty HN đối với Công ty TT có căn cứ chấp nhận.

Xét thấy: cách tính toán đối với các khoản tiền lãi tương ứng với từng lần giao nhận hàng hóa, số tiền phải thanh toán, thời gian chậm thanh toán do Công ty HN đưa ra phù hợp với các tài liệu đơn đặt hàng, biên bản giao nhận, hóa đơn giá trị gia tăng, thông tin giao dịch thanh toán tiền hàng giữa Công ty TT với Công ty HN thông qua tài khoản của Công ty HN tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Tây. Tuy nhiên mức lãi suất 0,07%/ ngày theo Điều 4 của Hợp đồng mua bán số 1204/HĐMB-TM/2017 ngày 12/4/2017 tương đương 25,2%/năm vi phạm quy định về lãi suất. Tại phiên tòa, nguyên đơn điều chỉnh mức lãi suất là 20%/năm để tính lãi chậm trả cũng không phù hợp quy định pháp luật. Do đó cần áp dụng lãi suất nợ quá hạn trung bình theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại để xác định số tiền lãi do Công ty TT chậm thanh toán.

Theo cung cấp mức lãi suất cho vay áp dụng tại thời điểm giải quyết vụ án của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam, Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam lần lượt là: 6%/năm – 12%/năm; 9%/năm – 11%/năm; 9%/năm – 12%/năm. Như vậy mức lãi suất nợ quá hạn trung bình là $((6 + 12 + 9 + 11 + 9 + 12) : 6) \times 150\% = 14,75\%/năm$.

Cụ thể số tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán là:

1. Chuyển hàng ngày 19/04/2017 (HĐ 0004043) là: 1.245.389.750 đ, hạn thanh toán 30 ngày là ngày 19/05/2017 . Ngày 9/6/2017 trả 500.000.000 đ, chậm thanh toán 21 ngày, tính từ ngày 19/05/2017 đến 09/06/2017.

- Lãi suất của 500.000.000 đ x 21 ngày x 14,75%/365ngày = 4.243.000đ.

Ngày 21/06/2017 trả 1.000.000.000 đ trừ 745.389.750 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 19/04/2017, còn dư 254. 610.250 đ trừ vào chuyển hàng thứ hai ngày 25/04/2017. Chậm thanh toán 33 ngày tính từ ngày 19/05/2017 đến 21/06/2017.

- Lãi suất của 745.389.750 đ x 33 ngày x 14,75%/365ngày = 9.940.000đ.

2. Chuyển hàng ngày 25/04/2017 (HĐ 0004135) là: 519.426.600 đ, hạn thanh toán 30 ngày , ngày đến hạn thanh toán là 25/05/2017. Ngày 21/06/2017 còn dư số tiền 254.610.250 đ trừ vào tiền hàng của đơn hàng này , chậm thanh toán 27 ngày tính từ ngày 25/05/2017 đến 21/06/2017.

- Lãi suất của 254.610.250 đ x 27 ngày x 14,75%/365ngày = 2.778.000đ

Ngày 13/10/2017 trả 1.500.000.000đ trừ 264.816.350 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 25/04/2017, còn dư 1.235.183.650 đ trừ vào chuyển hàng thứ ba ngày 27/04/2017 và chuyển hàng thứ tư ngày 11/05/2017, chậm thanh toán 141 ngày tính từ ngày 25/05/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 264.816.350 đ x 141 x 14,75%/365ngày = 15.089.000đ

3. Chuyển hàng ngày 27/04/2017 (HĐ 0004361) là: 307.950.830 đ, hạn thanh toán 30 ngày, ngày đến hạn thanh toán là 27/05/2017. Ngày 13/10/2017 còn dư số tiền trả 1.235.183.650 đ trừ vào tiền hàng của đơn này là: 307.950.830 đ, còn dư số tiền 927.232.820 đ trừ vào chuyển hàng thứ tư, chậm thanh toán 139 ngày tính từ ngày 27/05/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 307.950.830 đ x 139 x 14,75%/365ngày = 17.298.000đ

4. Chuyển hàng ngày 11/05/2017 (HĐ 0004917) là: 948.403.995 đ , hạn thanh toán 30 ngày, ngày đến hạn là 10/06/2017. Ngày 13/10/2017 còn dư số tiền 927.232.820 đ trừ vào đơn hàng này, chậm thanh toán 125 ngày tính từ ngày 11/06/2017 đến ngày 13/10/2017.

- Lãi suất của 927.232.820 đ x 125 x 14,75%/365ngày = 46.838.000đ

Ngày 26/10/2017 trả 21.200.000 đ trừ 21.171.175 đ còn nợ của chuyển hàng ngày 11/05/2017, chậm thanh toán 138 ngày kể từ ngày 11/06/2017 đến ngày 26/10/2018. (thừa 28.825đ)

- Lãi suất $21.171.175 \times 138 \times 14,75\%/365\text{ngày} = 1.181.000\text{đ}$.

Tổng: $4.243.000\text{đ} + 9.940.000\text{đ} + 2.778.000\text{đ} + 15.089.000\text{đ} + 17.298.000\text{đ} + 46.838.000\text{đ} + 1.181.000\text{đ} = 97.367.000 \text{ đồng}$.

Trừ số tiền thanh toán thừa, Công ty TT còn phải trả cho Công ty HN là $97.367.000 \text{ đồng} - 28.825\text{đồng} = 97.338.000\text{đồng}$.

- Về án phí: Công ty TT phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Công ty HN không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về quyền kháng cáo nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 30, điểm b Khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng Điều 306 Luật thương mại.

- Căn cứ Nghị Quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty HN.

2. Buộc Công ty TT phải trả cho Công ty HN tiền lãi trên số tiền chậm thanh toán theo Hợp đồng mua bán số 1204/HĐMB-TM/2017 ngày 12/4/2017 là: 97.338.000đồng (*Chín mươi bảy triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Công ty TT phải nộp 4.867.000đồng án phí phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty HN không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.200.000đồng theo biên lai thu số 0008575 ngày 27/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội.;
- VKSND TP Hà Nội;
- VKSND quận Hà Đông;
- THADS quận Hà Đông;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Văn